

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày 28-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2021/TLST-HS, ngày 28 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 59/2021/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D (tên gọi khác: T), sinh ngày 17 tháng 3 năm 1997 tại tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1969; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/8/2020 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại ấp T, xã P, nhưng đến ngày 28/01/2021 Công an xã P, huyện X mới làm việc được và D thừa nhận hành vi trộm cắp. Công an xã P đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền là 1.500.000 đồng (Quyết định số 27/QĐ-XPHC, ngày 30/01/2021), đã đóng phạt ngày 08/02/2021; Bị tạm giam ngày 04/02/2021, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 20/LBBC, ngày 03/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

2. Đinh Tiên S, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2001 tại tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Ấp 2 T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Kim H1, sinh năm 1974 và bà Lâm Thị Ánh H2, sinh năm 1977; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17/LC, ngày 03/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang cư trú tại xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

Anh Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2002. Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Lâm Thị Ánh H2, sinh năm 1977 và ông Đinh Kim H1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Bà H2 có mặt, ông H1 vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Ông S có mặt, bà P vắng mặt).

+ Bà Đinh Thị M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn S1, xã S2, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Anh Võ Minh T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Anh Đinh Tiên S1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Ấp N, xã X1, huyện X2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Lê Hà Ph, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 15/11/2020, Đinh Tiên S và Phạm Văn D điều khiển xe mô tô biển số 72G1-564... trên đường đi đặt bẫy rắn về, khi đi trên đường nông thôn ngang qua khu vực vườn trà thuộc ấp N, xã X1, huyện X2 cả hai phát hiện xe mô tô biển số 72G1-719... nằm ngửa dưới mương thoát nước, sát bên lề đường, xe có cấm

sản chìa khóa nhưng không có người trông coi, D và S bàn nhau lấy xe mang về nhà D cất giấu. Đến ngày 16/11/2020, D và S mở cốp xe, thì thấy tại cốp xe có 01 ví (Bóp) da bên trong có giấy đăng ký mô tô biển số 72G1-719... và căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh L, sinh năm 2002. Hai người bàn nhau mang xe đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu. Sau khi thống nhất, ngày 17/11/2020, D và S mang xe cùng giấy đăng ký xe đến tiệm cầm đồ AQ tại thôn Q2, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cầm xe cho chủ tiệm là anh Nguyễn Việt C với giá 10.000.000 đồng, đến ngày 19/11/2020 D và S cầm thêm 10.000.000 đồng và đến ngày 22/11/2020 thì D và S bàn nhau bán luôn chiếc xe trên cho anh C. Sau đó, S điện thoại trao đổi với anh C, được anh C đồng ý mua lại xe với giá 27.000.000 đồng thì S đi và chở theo bạn gái tên Lê Hà Ph đến gặp anh C để nhận thêm 7.000.000 đồng, anh C trừ tiền lãi cầm xe hết 500.000 đồng, đưa S 6.500.000 đồng. Tổng số tiền cầm cố và bán xe, S và D đã chia đều cho mỗi người là 13.250.000 đồng. Số tiền này D chi tiêu cá nhân hết, riêng S chi tiêu hết 12.820.000 đồng, còn lại 430.000 đồng và 01 ví da, Sơn đưa cho mẹ tên Lâm Thị Ánh H1 giữ giúp.

Sau khi mua xe, anh C bán lại xe cho anh Võ Minh T, sinh năm 1996 với giá 30.000.000 đồng. Anh T mua xong xe thì đăng bán xe trên facebook, anh L phát hiện ra xe của mình đã mất đang được giao bán nên trình báo cơ quan chức năng, chiếc xe được cơ quan Công an tạm giữ.

Khi mất tài sản, ngày 15/11/2020 anh Nguyễn Thanh L đến Công an xã X1 trình báo và đề nghị giải quyết. (Bút lục: 164, 165). Sau đó, toàn bộ hồ sơ và đồ vật, tài liệu được chuyển tới Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tiến hành lập biên bản khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và chụp ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ việc vào ngày 01/12/2020 (Bút lục: 27- 38) và ngày 03 tháng 12 năm 2020, ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 01 mô tô mang biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu Trắng-Đen-Bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0344... mang tên Đỗ Thành C, sinh năm 1991. Số máy JA39E0700..., số khung 3901HY720..., biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn Trắng-Đen-Bạc; 01 ví (Bóp) da màu đen có chữ Nike; Số tiền 430.000 đồng (Trong đó: 04 tờ 100 nghìn; 01 tờ 20 nghìn; 01 tờ loại 10 nghìn); 01 mô tô mang biển số 72G1-719..., nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, số máy CGA1536..., số khung 11ANLV136...; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0549..., biển số 72G1-719..., cấp ngày 23/7/2020; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/7/2002, số 077202003...; 02 giấy hợp đồng cầm xe, ngày 17/11/2020 của tiệm cầm đồ AQ (Bút lục: 56-60).

Tại Kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐG, ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: Chiếc xe hiệu Suzuki Raider là 44.200.000 đồng; Chiếc ví da là 3.300 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 44.203.300đ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn ba trăm đồng).

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKS, ngày 18/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố các bị cáo Phạm Văn D và Đinh Tiên S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn D và bị cáo Đinh Tiên S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 14 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 04/02/2021); Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Tiên S từ 10 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, giấy tờ bị chiếm đoạt và tiền bồi thường, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Viết C và anh Huỳnh Văn V yêu cầu bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường số tiền 13.500.000 đồng. Bị cáo Đinh Tiên S đã bồi thường xong nên ông C và anh V không yêu cầu.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với 01 mô tô mang biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu Trắng-Đen-Bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0344... mang tên Đỗ Thành C, sinh năm 1991. Số máy JA39E0700..., số khung 3901HY720..., biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn Trắng-Đen-Bạc là tài sản hợp pháp của anh Đinh Tiên S1. Anh S1 cho bị cáo S mượn, khi S mượn xe của anh thì anh không biết S mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã trả lại xe cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 430.000 đồng thu giữ của bị cáo S. Đây là số tiền bị cáo cầm cố và bán xe, mặc dù bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Viết C và anh Huỳnh Văn V đủ 13.500.000 đồng, ông C và anh V không có ý kiến gì về số tiền trên. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

- Đối với 02 giấy hợp đồng cầm xe, ngày 17/11/2020 của dịch vụ cầm đồ tên AQ, địa chỉ ngã 3 C, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là tài liệu thu giữ từ ông Nguyễn Viết C. Đây là những tài liệu, chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội nên lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại; Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, đã nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có ý kiến gì thêm; Bà H2 và ông H1, ông S và bà P cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền mà mình đã bỏ ra bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo; Ông C và anh V yêu cầu bị cáo D bồi thường số tiền 13.500.000 đồng, không yêu cầu gì thêm; Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trình bày gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 06 giờ ngày 15/11/2020, Đinh Tiên S và Phạm Văn D điều khiển xe mô tô trên đường đi đặt bãi rấn về, khi đi trên đường nông thôn ngang qua khu vực vườn tràm thuộc ấp N, xã X cả hai phát hiện xe mô tô biển số 72G1-719... nằm ngả dưới mương thoát nước, sát bên lề đường, xe có cầm sẵn chìa khóa nhưng không có người trông coi, D và S nảy sinh ý định trộm cắp nên lấy xe mang về nhà D cất giấu. Đến ngày 16/11/2020, D và S mở cốp xe, thì thấy tại cốp xe có 01 ví da bên trong có giấy đăng ký mô tô biển số 72G1-719... và căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh L. D và S bàn nhau mang xe đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu. Sau khi bàn bạc, ngày 17/11/2020, D và S mang xe cùng giấy đăng ký xe đến tiệm cầm đồ AQ cầm xe cho chủ tiệm là anh Nguyễn Viết C với giá 10.000.000 đồng, đến ngày 19/11/2020 D và S cầm thêm 10.000.000 đồng và đến ngày 22/11/2020 thì D và S thống nhất bán luôn chiếc xe trên cho anh C. Tổng cộng D và S nhận từ anh C số tiền 27.000.000 đồng, chia đều cho mỗi người là 13.500.000 đồng (Bao gồm cả 500.000 đồng trả tiền lãi). Số tiền này D chi tiêu cá nhân hết, riêng S chi tiêu hết 12.820.000 đồng, còn lại 430.000 đồng và 01 ví da, S đưa cho mẹ giữ giúp. Sau khi mua xe, anh C bán lại xe cho anh T với giá 30.000.000 đồng. Anh T mua xong xe thì đăng bán xe trên facebook, anh L phát hiện ra xe của mình đã mất đang được giao bán nên trình báo cơ quan chức năng, chiếc xe được cơ quan Công an tạm giữ.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường, với kết luận định giá tài sản, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định là: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider có giá 44.200.000 đồng; 01 chiếc ví da có giá 3.300 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 44.203.300đ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn ba trăm đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu, nhưng do tham lam, lười lao động, các bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng đêm tối, vắng người qua lại và sự bất khả kháng của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản bằng cách lén lút thực hiện hành vi đối với chủ sở hữu để cầm cố và bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo S đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, được bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo D mới bồi thường chưa được $\frac{1}{2}$ phần trách nhiệm dân sự cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cần nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, cả hai bị cáo cùng thực hành và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo D không phải là người tổ chức, xúi giục, giúp sức nhưng là người chủ động định hướng mọi việc ngay từ đầu. Bản thân bị cáo D là người nghiện ma túy và vào ngày 05/8/2020 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng đến ngày 28/01/2021 Công an xã P, huyện X mới làm việc được và đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, những điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, không chịu rèn luyện, tu dưỡng, phần đầu để trở thành công dân tốt nay lại phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét tính chất, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với bị cáo D. Mặc dù, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng tổng giá trị thiệt hại mà các bị cáo gây ra là 44.203.300đ (Bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ ba nghìn ba trăm đồng), nên không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại; Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292, 293 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt đối với những người này.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định; không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, giấy tờ bị chiếm đoạt và tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Viết C, anh Huỳnh Văn V và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phạm Văn D đồng ý bồi thường cho ông C, anh V số tiền 13.500.000 đồng.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô mang biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu Trắng-Đen-Bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0344... mang tên Đỗ Thành C, sinh năm 1991. Số máy JA39E0700..., số khung 3901HY720..., biển số 72G1-564..., nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn Trắng-Đen-Bạc là tài sản hợp pháp của anh Đinh Tiên S1. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã lập biên bản trả lại các tài sản trên cho anh S1 là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 02 giấy hợp đồng cầm xe, ngày 17/11/2020 của dịch vụ cầm đồ tên AQ, địa chỉ ngã 3 C, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thu giữ từ ông Nguyễn Viết C. Đây là những tài liệu, chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội cần lưu theo hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 05/8/2020 của Phạm Văn D gồm 05 con vịt và 01 con gà của ông Chu Văn N, sau đó D mang bán tại chợ B với giá 620.000 đồng, nhưng đến ngày 28/01/2021 Công an xã P mới làm việc được với D, D thừa nhận hành vi của mình. Do đó, Công an xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27/QĐ-XPHC, ngày 30/01/2021 đối với D với mức tiền phạt 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm Hành chính. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Nguyễn Viết C và anh Võ Minh T là người đã bỏ tiền ra cầm cố và mua bán xe mô tô biển số 72G1-719..., nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, nhưng cả ông C và anh T đều không biết rõ tài sản đó là do trộm cắp mà có. Do đó, cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông C, anh T là đúng theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D (tên gọi khác: T) và bị cáo Đinh Tiên S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D (T) 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 04/02/2021).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đinh Tiên S 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Viết C và anh Huỳnh Văn V.

Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án dân sự không thi hành số tiền bồi thường nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 430.000đ (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 65/BB, ngày 16/6/2021).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 02 giấy hợp đồng cầm xe, ngày 17/11/2020 của dịch vụ cầm đồ tên AQ, địa chỉ ngã 3 C, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thu giữ từ ông Nguyễn Viết C.

(Vật chứng thu giữ theo Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu số 324/QĐ, ngày 03/12/2020 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn D (T) và bị cáo Đinh Tiên S, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn D (T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 a, Điều 7 b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND các xã P và B, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến